

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG
THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2024/DS-PT

Ngày 23 - 4 - 2024

“V/v tranh chấp dân sự về
thừa kế quyền sử dụng đất,
hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, quyền sử
dụng đất, bồi thường thiệt
hại về tài sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20-3-2024, ngày 16, 23-4-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1928 (chết);

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1951;

Người đại diện hợp pháp cho ông Huỳnh Văn N: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986 và anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1989. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022, ngày 22/9/2019.

Cùng địa chỉ: ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn N:

- Luật sư Hồ Thị Xuân H1, Luật sư Võ Thị T2-Văn phòng L7, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm: 1959;

3. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1966 (chết ngày 06/02/2020);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L:

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1959;

- Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2001;

- Chị Nguyễn Thị Phú Q, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Huỳnh Văn X, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Huỳnh Thị H3, sinh năm: 1946;

*Người đại diện hợp pháp cho bà H3: Chị Bùi Thị Kim T5, sinh năm 1982.
Là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022.*

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

* *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ú, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị Ú: Luật sư Lê Văn L1, Văn phòng Luật sư Phạm Minh T6, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn T7, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Khóm 2, TT Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Huỳnh Thị Mộng H4, sinh năm: 1991;

4. Chị Huỳnh Thị Cẩm H5, sinh năm: 1992;

5. Anh Huỳnh Văn Lý H6, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1954;

7. Anh Huỳnh Văn T8, sinh năm: 1980;

8. Chị Võ Thị N2, sinh năm: 1980;

9. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm: 1975;

10. Anh Huỳnh Văn T9, sinh năm: 1977;

11. Anh Huỳnh Văn H7, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Đoàn Thị Ngọc O, sinh năm: 1964;

13. Ông Huỳnh Bé T10, sinh năm: 1952; chết ngày 10/4/2023.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bé T11:

- Bà Đoàn Thị O1, sinh năm 1964.

- Anh Huỳnh Thiện T12, sinh năm: 1989;

- Anh Huỳnh Thiện H8, sinh năm: 1990;

- Anh Huỳnh Thiện P1, sinh năm: 1992;

- Anh Huỳnh Phúc T13, sinh năm: 1996;

14. Anh Huỳnh Thiện T12, sinh năm: 1989;

15. Anh Huỳnh Thiện H8, sinh năm: 1990;

16. Anh Huỳnh Thiện P1, sinh năm: 1992;

17. Anh Huỳnh Phúc T13, sinh năm: 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

18. Ngân hàng N10 - Chi nhánh huyện T; Người đại diện theo pháp luật:
Ông Nguyễn Thanh P2, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

19. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh B- Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

20. Chị Huỳnh Thị T14, sinh năm 1980;

21. Anh Huỳnh Thiện N3, sinh năm 1984;

22. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986;

23. Anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1989;

24. Chị Huỳnh Thị Hương L2, sinh năm 1995;

25. Chị Phan Thị N4, sinh năm 1992;

26. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1950;

27. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1958;

Người đại diện hợp pháp cho bà Đ: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986.

Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/3/20022.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Đ:

- Luật sư Hồ Thị Xuân H1, Luật sư Võ Thị T2-Văn phòng L7, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ.

28. Anh Trần Thanh L3, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

29. Chị Nguyễn Thị Bé H9, sinh năm 2003;

30. Chị Nguyễn Thị Thanh H10, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

31. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm: 1959;

32. Huỳnh Thị L, sinh năm: 1966 (chết ngày 06/02/2020);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L:

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1959;

- Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2001;

- Chị Nguyễn Thị Phú Q, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

33. Ông Huỳnh Văn X, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

34. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

35. Bà Huỳnh Thị H3, sinh năm: 1946;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho bà Huỳnh Thị H3: Chị Bùi Thị Kim T5, sinh năm 1982. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2022.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

36. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1951;

Người đại diện hợp pháp cho ông Huỳnh Văn N: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986 và anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1989. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022, ngày 22/9/2019.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn N:

- Luật sư Hồ Thị Xuân H1, Luật sư Võ Thị T2, Văn phòng L7, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ.

*** Người kháng cáo:** Ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, ông Huỳnh Văn H2 và ông Huỳnh Văn X là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Anh T15, anh T, ông Xã, bà T4, chị T5, bà T3, ông H2, ông Á, bà Ú, ông Nguyễn T7, bà M, chị N5, chị Q, anh N3, Luật sư H1, Luật sư T2, Luật sư L1 có mặt tại phiên tòa. Riêng bà Ú, ông Nguyễn T7, chị T5, Luật sư L1 vắng mặt phiên tòa ngày 16, 23/4/2024. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, các nguyên đơn là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đoàn Thị H gồm có: Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H3 trình bày:

Nguồn gốc đất của mẹ là cụ Đoàn Thị H có diện tích đất là 44.777 m², thuộc tờ bản đồ số 06, thuộc thửa 151, 163, 164, 165, 449 đất tọa lạc ấp F, xã T. Vào năm 2006, cụ H kiện bà Ú đòi lại đất, năm 2013 cụ H chết, nên các anh, chị, em thống nhất tiếp tục kiện bà Ú về việc bà Ú tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ H đứng tên sang tên tách bộ 25.977 m². Sau đó, bà Ú bán lại cho bà Đoàn Thị Ngọc O diện tích 16.000m² thửa 639, tờ bản đồ số 6, loại đất tràm.

+ Ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông N yêu cầu bà Ú trả lại diện tích đất 25.977 m² cho cụ H gồm các thửa 639, diện tích 16.000m², đất tràm; thửa 163 diện tích 2.790m², đất CDK; thửa 164, diện tích 2.387m², đất LNK; thửa 579, diện tích 1.650m², đất thổ, thửa 580, diện tích 3.150m², đất CDK, tất cả các thửa thuộc tờ bản đồ số 06, để chia thừa kế theo pháp luật.

Ông N không yêu cầu chia thừa kế, ông N yêu cầu Tòa án chấp nhận công nhận cho ông N được sử dụng diện tích đất 6.000m², thửa 165 và diện tích đất lúa 5.872m², thuộc một phần thửa 640; yêu cầu thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất 165, 640 diện tích nói trên của cụ H để cấp

lại cho ông N. Ông N không yêu cầu bồi thường giá trị đất, cây trồng trên đất tại một phần thửa 165, một phần thửa 640; nếu yêu cầu của ông N không được Tòa án chấp nhận. Ông N cũng không yêu cầu tiền trang sửa đất và khai mở một phần thửa 640, diện tích 5.872m² và thửa 165, diện tích 6.000m², ông N đồng ý chừa một phần đất (hiện nay có sẵn) để làm lối đi chung.

Ngoài ra, ông N yêu cầu bà Huỳnh Thị Ú, Huỳnh Thị T3, bồi thường số tiền thiệt hại do không canh tác đất năm 2017 là 14.680.000 đồng và yêu cầu ông Huỳnh Văn X bồi thường năm 2018 là 14.680.000 đồng. Ông N đồng ý để phần nhà và khu mồ mã cho ông Xã quản lý làm đất hương quả. Phần đất thửa 640 là cấp cho hộ cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, ông N không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ. Ông N không yêu cầu chia thừa kế đất cụ H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N trình bày trường hợp phần đất ông N yêu cầu phải chia thừa kế thì ông N yêu cầu được nhận đất và tính công sức đóng góp cho gia đình ông N bằng cách được chia đất nhiều hơn các hàng thừa kế khác và yêu cầu được nhận đất tiếp giáp với phần đất mà ông N được chia để thuận tiện cho việc canh tác.

+ Ông Huỳnh Văn H2 trình bày:

Ông H2 đang quản lý, sử dụng diện tích 2.802m² của cụ H từ năm 1997 đến nay. Ông H2 thống nhất trả lại đất cho cụ H để anh, em chia thừa kế.

Ông H2 yêu cầu bà Ú trả lại diện tích đất 25.977 m² cho cụ H gồm các thửa 639 diện tích 16.000m² (đất tràm), thửa 163 diện tích 2.790m² (đất CDK), thửa 164 diện tích 2.387m² (đất LNK), thửa 579 diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 diện tích 3.150m² (đất CDK), tất cả các thửa thuộc tờ bản đồ số 06, để chia thừa kế theo pháp luật; Ông H2 không yêu cầu phản tố tiền công trang sửa đất và ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Ông H2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O. Ông H2 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H và cụ N6 chết để lại theo pháp luật. Ông H2 không tranh chấp cây trồng vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án xét xử tuyên buộc cho người nào sử dụng đất thì sử dụng vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Ông H2 thống nhất để căn nhà, phần nhà mộ cụ N6 và cụ H để lại cho ông Xã sử dụng và thờ cúng. Ông H2 không có yêu cầu giám định chữ ký dấu vân tay của cụ H tại hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho từ cụ H cho bà Ú; Ông H2 yêu cầu Tòa án xem xét các chứng cứ khác để hủy hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho

từ cụ H qua bà Ú. Ông H2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O, ông T11; phần đất thửa 639 là của cụ H, nên ông H2 không có tranh chấp hay ý kiến gì đối với ông Bé T11, bà O. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, thì ông H2 không đồng ý. Phần đất thửa 640 cấp cho hộ cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, ông H2 không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ. Ông H2 đồng ý giao phần đất nhà và khu mô mã cho anh X quản lý để làm đất hương quả.

Nay ông H2 yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng mà cụ H chuyển nhượng và tặng cho bà Ú vào năm 2001 và 2005 và yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho từ cụ H sang bà Ú năm 2001 và 2005 là vô hiệu; không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà Ú; chia đều cho 9 người diện tích đất 16.000m² mà bà Ú chuyển nhượng cho bà O; chia đều cho 9 người phần diện tích 10.000m², có hai ngôi nhà của ông Xã và bà Ú, giữ nguyên hiện trạng nhà cho bà Ú và ông Xã. Chia đều cho 9 người phần diện tích 18.000m² có ba ngôi nhà của ông H2, ông N và bà L, giữ nguyên hiện trạng ba căn nhà của ông H2, bà L và ông N.

+ Ông Huỳnh Văn X trình bày:

Hiện nay, phần đất này ông đang canh tác từ năm 1997 đến nay diện tích 2.802 m², ông thống nhất trả lại đất cho cụ H để anh, em chia thừa kế, ông không có tranh chấp phần đất này. Nay ông yêu cầu bà Ú trả lại diện tích đất 25.977 m² cho cụ H gồm các thửa 639, diện tích 16.000m² (đất tràm), thửa 163 diện tích 2.790m² (đất CDK), thửa 164 diện tích 2.387m² (đất LNK), thửa 579 diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 diện tích 3.150m² (đất CDK), tất cả các thửa thuộc tờ bản đồ số 06, để chia thừa kế theo pháp luật; ông không yêu cầu phân tố tiền công trang sửa đất và ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà O và ông Bé T11, vì đất thửa 639 là của cụ H, ngoài ra, ông cũng không khởi kiện phần đất tại thửa 639 đối với ông Bé T11 và bà O.

Ông yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H và cụ N6 chết để lại, ông yêu cầu được chia thừa kế ngay phần đất và nhà ông đang sử dụng để ông thờ cúng cha mẹ và quản lý phần nhà mồ. Ngoài ra, ông không tranh chấp cây trồng vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án xét xử tuyên buộc cho người nào sử dụng đất thì sử dụng vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Ngoài ra, ông không yêu cầu giám định chữ ký dấu vân tay của cụ H tại hợp đồng

chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho từ cụ H cho bà Ú; ông yêu cầu Tòa án xem xét các chứng cứ khác để hủy hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho từ cụ H qua bà Ú. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O, ông T11; đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, ông không đồng ý. Ông yêu cầu được đứng tên phần nhà thờ và khu mồ mã để ông đứng tên và quản lý làm đất hương quả. Phần đất thửa 640 để là cấp cho hộ cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, ông không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ đối với thửa 640.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng mà cụ H chuyển nhượng và tặng cho bà Ú vào năm 2001 và 2005 và yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho từ cụ H sang bà Ú năm 2001 và 2005 là vô hiệu; không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà Ú; chia đều cho 9 người diện tích đất 16.000m² mà bà Ú chuyển nhượng cho bà O; chia đều cho 9 người phần diện tích 10.000m², có hai ngôi nhà của ông Xã và bà Ú, giữ nguyên hiện trạng nhà cho bà Ú và ông Xã. Chia đều cho 9 người phần diện tích 18.000m² có ba ngôi nhà của ông H2, ông N và bà L, giữ nguyên hiện trạng ba căn nhà của ông H2, bà L và ông N.

+ Bà Huỳnh Thị T3 trình bày:

Bà Huỳnh Thị T3 trình bày bà yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H và cụ N6 chết để lại. Ngoài ra, bà không tranh chấp cây trồng vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án xét xử tuyên buộc cho người nào sử dụng đất thì sử dụng vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Ngoài ra, bà không yêu cầu giám định chữ ký dấu vân tay của cụ H tại hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho từ cụ H cho bà Ú; bà yêu cầu Tòa án xem xét các chứng cứ khác để hủy hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho từ cụ H qua bà Ú. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà không đồng ý và bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N. Ngoài ra, bà yêu cầu ông N, chừa phần đất làm lối đi chung (cấp đất ông N) để đi ra lộ. Phần đất thửa 640 để là cấp cho hộ của cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, bà không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng mà cụ H chuyển nhượng và tặng cho bà Ú vào năm 2001 và 2005 và yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho từ cụ H sang bà Ú năm 2001 và 2005 là vô hiệu; không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà Ú; chia đều cho 9 người diện tích

đất 16.000m² mà bà Ú chuyển nhượng cho bà O (trong phần 16.000m²; chia đều cho 9 người phần diện tích 10.000m², có hai ngôi nhà của ông Xã và bà Ú, giữ nguyên hiện trạng nhà cho bà Ú và ông Xã. Chia đều cho 9 người phần diện tích 18.000m² có ba ngôi nhà của ông H2, ông N và bà L, giữ nguyên hiện trạng ba căn nhà của ông H2, bà L và ông N. Bà T3 thống nhất giao phần nhà thờ và khu mồ mã để ông Xã đứng tên và quản lý làm đất hương quả.

+ Bà Huỳnh Thị T4 trình bày:

Bà T4 thống nhất theo lời trình bày của ông H2 và ông Xã. Bà T4 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H và cụ N6 chết để lại. Bà T4 không tranh chấp cây trồng vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án xét xử tuyên buộc cho người nào sử dụng đất thì sử dụng vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Bà T4 đồng ý để căn nhà, phần nhà mồ cụ N6 và cụ H để lại cho ông Xã sử dụng và thờ cúng. Bà T4 không yêu cầu giám định chữ ký dấu vân tay của cụ H tại hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho từ cụ H cho bà Ú. Bà T4 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho từ cụ H qua bà Ú. Bà T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Phần đất thừa 640 để là cấp cho hộ của cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, bà T4 không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ.

Nay bà T4 yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng và tặng giữa cụ H với bà Ú vào năm 2001 và 2005 vô hiệu. Bà T4 không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà Ú; chia đều cho 9 người diện tích đất 16.000m² mà bà Ú chuyển nhượng cho bà O trong phần 16.000m²; Chia đều cho 9 người phần diện tích 10.000m², có hai ngôi nhà của ông Xã và bà Ú, giữ nguyên hiện trạng nhà cho bà Ú và ông Xã; Chia đều cho 9 người phần diện tích 18.000m² có ba ngôi nhà của ông H2, ông N và bà L, giữ nguyên hiện trạng ba căn nhà của ông H2, bà L và ông N.

+ Bà Huỳnh Thị H3, người đại diện hợp pháp là chị Bùi Thị Kim H11) trình bày:

Bà H3 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích thừa 165 và thừa 640 và yêu cầu được nhận bằng giá trị đất; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

+ Ông Nguyễn Văn Á (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L) trình bày:

Không yêu cầu gì trong vụ án này, chỉ yêu cầu được giữ nguyên căn nhà hiện nay ông Á đang ở.

+ **Anh Trần Thanh L3 (con bà L4)** yêu cầu được nhận một phần thừa kế của mẹ anh và yêu cầu nhận đất để ở; ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- **Theo tờ tự khai, đơn phản tố các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Ú trình bày:**

Nguồn gốc đất của mẹ là cụ Đoàn Thị H có diện tích đất là 44.777 m², thuộc tờ bản đồ số 06, thuộc thửa 151, 163, 164, 165, 449 đất tọa lạc ấp F, xã T. Vào năm 2006, cụ H (mẹ bà) kiện bà Ú đòi lại diện tích đất 25.977m², đến năm 2012 cụ H chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H khởi kiện bà Ú trả lại diện tích 25.977m², mà bà Ú tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ H đứng tên sang tên bà Ú.

Bà Ú không đồng ý trả lại diện tích đất 25.977 m² cho cụ H gồm các thửa 639 diện tích 16.000m² (đất tràm), thửa 163 diện tích 2.790m² (đất CDK), thửa 164 diện tích 2.387m² (đất LNK), thửa 579 diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 diện tích 3.150m² (đất CDK), tất cả các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 06. Cụ H tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Ú vào năm 2001 và năm 2005 là hợp pháp và bà Ú yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) năm 2001 và năm 2005 giữa cụ H với bà Ú, không đồng ý hủy các hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất giữa cụ H với bà Ú.

Bà Ú yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất của cụ H và cụ N6 chết để lại tại thửa 640, thửa 165. Bà Ú không tranh chấp cây trồng vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án xét xử tuyên buộc cho người nào sử dụng đất thì sử dụng vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Bà Ú không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Đ. Bà Ú thống nhất phần đất khu mồ mã trên theo sơ đồ đo đạc mà Tòa án đã thẩm định để làm đất hương quả và các anh em cùng đứng tên sở hữu chung. Phần đất thửa 640 là cấp cho hộ của cụ H, nhưng thực tế là đất của cá nhân cụ H, bà Ú không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thành viên trong hộ. Bà Ú yêu cầu chia thừa kế thửa 165 và thửa 640 cho bà nhận một phần và bà Ú yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

- **Theo đơn yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc O, yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Buộc ông Xã và bà M (vợ ông Xã), bồi thường thiệt hại tiền lúa trong 10 năm, cụ thể là $1.000.000\text{đ}/\text{năm}/1.000\text{m}^2 \times 6.977\text{m}^2 \times 10 \text{ năm} = 69.770.000$ đồng.

Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M bồi thường thiệt hại số trà đã đồn (trà đã trồng 08 năm tuổi), năm 2010 là $3.690,4\text{m}^2$ và đến ngày 07/6/2011 đồn 2.679m^2 , tổng cộng thiệt hại về trà là $10.000.000\text{đ}/1.000\text{m}^2 \times 6.369,4\text{m}^2 = 63.694.000$ đồng.

Buộc ông Huỳnh Văn H2 phải bồi thường tiền lúa với diện tích $3.690,4\text{m}^2$ từ năm 2010 đến năm 2018 là 08 năm: $1.000.000\text{đ}/1\text{năm}/1.000\text{m}^2 \times 6.369,4\text{m}^2 \times 8\text{năm} = 29.523.200$ đồng.

Ngoài ra, bà Đoàn Thị Ngọc O không yêu cầu bà Huỳnh Thị Ú và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đoàn Thị H giao diện tích đất thửa 639 cho bà O canh tác, (hiện nay thửa đất 639 bà O đã chuyển nhượng lại cho bà Ú).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N10 - Chi nhánh huyện T:

Không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Không có ý kiến và xin được vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân. Ủy ban nhân dân Huyện sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án nhân dân khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, về việc chia thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị Ú, Huỳnh Thị H3.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đoàn Thị H, về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho từ cụ Đoàn Thị H sang bà Huỳnh Thị Ú năm 2001 và 2005 là vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa 165, thửa 640 cho ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 165, thửa 640 của cụ Đoàn Thị H.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị Ú và ông Huỳnh Văn X bồi thường thiệt hại về tài sản.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đoàn Thị Ngọc O về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn H2 bồi thường thiệt hại về tài sản.

7. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh L3 về việc yêu cầu được chia phần đất thừa kế của mẹ anh là bà Huỳnh Thị L5 (đã chết).

8. Chấp nhận sự tự nguyện yêu cầu cùng đứng tên đồng sở hữu chung diện tích đất 1.096m² (phần đất khu mồ mã và nhà thờ) của bà Huỳnh Thị Ú.

9. Công nhận hợp đồng ngày 21/12/2001 giữa cụ Đoàn Thị H và chị Huỳnh Thị Ú, tại thửa 579 (tách từ thửa 164), diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 (tách từ thửa 163), diện tích 3.150m² (CDK). Hợp đồng ngày 13/01/2005 giữa cụ Đoàn Thị H và bà Huỳnh Thị Ú, tại thửa 163, diện tích 2.790m² (CDK), thửa 164, diện tích 2.387m² (LN), thửa 639 (tách từ thửa 151), diện tích 16.000m² (RTlg); là có hiệu lực pháp luật.

10. Phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng thừa kế có diện tích trong phạm vi các mốc, cụ thể như sau:

10.1. Ông Huỳnh Văn N được hưởng di sản thừa kế tổng cộng diện tích đất 3.432,6m². Theo đó, ông Huỳnh Văn N được diện tích 1.000m², trong phạm vi các mốc M1- mốc M3- mốc M18- mốc M17- mốc M16- mốc M15- mốc M12- mốc M14- mốc M1 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 1.026,1m², trong phạm vi các mốc M15- mốc M8- mốc M9- mốc M12- mốc M15 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 500,7m², trong phạm vi các mốc M21- mốc M22 – mốc M23- mốc M24- mốc M35- mốc M34- mốc M33- mốc M32- mốc M31- mốc M21 (thuộc một phần thửa 640); diện tích 905,8m², trong phạm vi các mốc M26- mốc M27- mốc M34- mốc M35- mốc M26 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.2 Ông Huỳnh Văn H2 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931,9m². Theo đó, ông Huỳnh Văn H2 được diện tích 1.026m², trong phạm vi

các mốc M15- mốc M16- mốc M7- mốc M8- mốc M15 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905,9m², trong phạm vi các mốc M27- mốc M28- mốc M33- mốc M34- mốc M27 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.3 Ông Huỳnh Văn X được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.932,4m². Theo đó, ông Huỳnh Văn X được diện tích 1.026,3m², trong phạm vi các mốc M12- mốc M11- mốc M10- mốc M9- mốc M12 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 906,1m², trong phạm vi các mốc M25- mốc M26- mốc M35- mốc M24- mốc M25 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.4 Bà Huỳnh Thị T3 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m². Theo đó, bà Huỳnh Thị T3 được diện tích 1.026m², trong phạm vi các mốc M16- mốc M17- mốc M6- mốc M7- mốc M16 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905m², trong phạm vi các mốc M28- mốc M29- mốc M32- mốc M33- mốc M28 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.5 Bà Huỳnh Thị T4 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931,6m². Theo đó, bà Huỳnh Thị T4 được diện tích 1.026m², trong phạm vi các mốc M17- mốc M18- mốc M5- mốc M6- mốc M17 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905,6m², trong phạm vi các mốc M29- mốc M30- mốc M31- mốc M32- mốc M29 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.6 Anh Trần Thanh L3 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931,3m². Theo đó, anh Trần Thanh L3 được diện tích 1.025,9m² trong phạm vi các mốc M18- mốc M3- mốc M4- mốc M5- mốc M18 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905,4m², trong phạm vi các mốc M30- mốc M19- mốc M21- mốc M31- mốc M30 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.7 Bà Huỳnh Thị H3 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m². Theo đó, bà Huỳnh Thị H3 được nhận giá trị bằng tiền tại thửa 165, diện tích 1.026m² x 500.000đ/m² = 513.000.000 đồng; giá trị bằng tiền tại thửa 640 diện tích 905m² x 500.000đ/m² = 452.500.000 đồng; tổng cộng 513.000.000 đồng + 452.500.000 đồng = 965.500.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

10.8 Chị Huỳnh Thị Ú được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m². Theo đó, chị Huỳnh Thị Ú được nhận giá trị bằng tiền tại thửa 165, diện tích 1.026m² x 500.000đ/m² = 513.000.000 đồng; giá trị bằng tiền tại thửa 640 diện tích 905m² x 500.000đ/m² = 452.500.000 đồng; tổng cộng 513.000.000 đồng + 452.500.000 đồng = 965.500.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

11. Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị T3, ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị T4, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị H3, bà Huỳnh Thị Ú; cùng đồng sở hữu chung và cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất khu mồ mã và nhà thờ có diện tích 1.096m², thuộc một phần thửa 164, 579, 580, 163, trong phạm vi các mốc R2- mốc M8- mốc M7- mốc R4- mốc M5- mốc M4- mốc- M3- mốc R5- mốc M1 –mốc R1- mốc R2; đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Buộc ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3 có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ú, bà Huỳnh Thị H3 số tiền mỗi người là 965.500.000 đồng.

13. Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tiền lúa trong 10 năm, cụ thể là 1.000.000đ/1năm/1.000m² x 6.977m² x 10 năm = 69.770.000 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

14. Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tràm đã đốn (tràm đã trồng 08 năm tuổi), năm 2010 là 3.690,4m² và đến ngày 07/6/2011 đốn 2.679m², tổng cộng thiệt hại về tràm là 10.000.000đ/1.000m² x 6.369,4m² = 63.694.000 đồng (Sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

15. Buộc ông Huỳnh Văn H2 phải có nghĩa vụ bồi thường tiền lúa với diện tích 3.690,4m² từ năm 2010 đến năm 2018 là 08 năm: 1.000.000đ/1năm/1.000m² x 3.690m² x 8 năm = 29.523.200 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

16. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

17. Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị Ú có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên đồng sở hữu chung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khu mô mã và nhà thờ có diện tích 1.096m², thuộc một phần thửa 164, 579, 580, 163, trong phạm vi các mốc R2- mốc M8- mốc M7- mốc R4- mốc M5- mốc M4- mốc- M3- mốc R5- mốc M1 –mốc R1- mốc R2; đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

18. Bà Huỳnh Thị Ú được tiếp tục sử dụng, quản lý diện tích đất còn lại đối với các thửa đất 164, 579, 580, 163 và chị Huỳnh Thị Ú được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh để được đứng tên đối với các thửa đất trên.

19. Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3; có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3; được chia thừa kế quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 28/6/2018 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 20/02/2009 và Phụ lục mảnh trích đo ngày 01/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Phụ lục trích đo ngày 12/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Mảnh trích đo địa chính ngày 27/7/2018 của Công ty B2; Phụ lục sửa đổi, bổ sung mảnh trích đo ngày 12/9/2022 của Công ty B2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, chi phí tố tụng, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 9 năm 2022, ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông N và bà Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đoàn Thị H trả lại diện tích đất 7.588,7m², thuộc thửa 165 và diện tích 6.075,5m², thửa 640

và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ H đối với thửa 165, thửa 640.

+ Buộc bà Huỳnh Thị Ú, bà Huỳnh Thị T3 và ông Huỳnh Văn X bồi thường thiệt hại số tiền 58.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2022, ông Huỳnh Văn H2 và ông Huỳnh Văn X kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2 và ông X xác định kháng cáo là yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ N6 và cụ H, theo Biên bản chia đất ngày 27/8/2007, Giấy ủy quyền (thay cho Di chúc) ngày 27/8/2007.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và bà Đ trình bày: Phần đất thửa 165, 640 ông N và bà Đ được cụ N6 và cụ H cho từ năm 1983, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Việc cụ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là không đúng đối tượng, ông N không biết việc cụ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 165 ông N và bà Đ có cất 01 căn nhà, khi cất không có ai tranh chấp có các nhân chứng như Nguyễn Văn H12, bà Bùi Thị H13, ông Võ Văn M1, bà Võ Thị Thắm T16, ông Huỳnh Văn Q1, ông Ngô Văn H14, ông Bùi Thanh N7...đều xác định ông N sử dụng thửa đất 165, 640 từ năm 1983 cho đến nay, khi cụ H còn sống cũng không có tranh chấp. Tờ ủy quyền ngày 27/8/2007 của cụ H thể hiện cụ H đã cho đất ông N, phần đất tranh chấp không còn là di sản thừa kế, ông X bao chiếm đất Ủy ban nhân dân xã có lập biên bản, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N và bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, ông Huỳnh Văn H2 và ông Huỳnh Văn X, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N, bà Đ, ông Xã, ông H2 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 295, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[2] Cụ Huỳnh Văn N8 (chết năm 1983) và cụ Đoàn Thị H (chết 2012) chung sống với nhau có 10 người con gồm: Bà Huỳnh Thị H3, ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị L5 (chết có con Trần Thanh L3), bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H15 (chết không có chồng con), ông Huỳnh Văn X và bà Huỳnh Thị Ú. Khi còn sống cụ N8 và cụ H có tạo lập được khoảng 234.000m² đất. Cụ N8 chết không để lại di chúc, sau khi cụ N8 chết cụ H tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Đến năm 1997, cụ H chia đất cho các con như sau:

- Bà H3 60.000m²
- Ông N 40.000m².
- Ông H2 40.000m².
- Bà L5 10.000 m².
- Bà T3 10.000m².
- Bà T4 10.000m².
- Bà L 10.000m².
- Ông Xã 40.000m².

- Bà Ú 20.000m².

[3] Sau khi chia đất cho các con, diện tích đất còn lại cụ H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 1997, diện tích 44.777m² gồm: Các thửa 151, diện tích 26.775m², (đất tràm); thửa 163, diện tích 5.940m² (đất CDK); thửa 164, diện tích 4.037m² (đất thổ); thửa 165, diện tích 7.225m² (đất LNK); thửa 449, diện tích 800m², (đất TL).

[4] Năm 2001, cụ H ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là bà Huỳnh Thị Ú, thửa 579 (tách từ thửa 164), diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 (tách từ thửa 163), diện tích 3.150m² (CDK), đến ngày 24/02/2002 bà Huỳnh Thị Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 579, diện tích 1.650m²; thửa 580, diện tích 3.150m².

[5] Năm 2005, cụ H tiếp tục ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái bà Huỳnh Thị Ú, thửa 163, diện tích 2.790m² (CDK), thửa 164, diện tích 2.387m² (LN), thửa 639 (tách từ thửa 151), diện tích 16.000m² (RTlg), đến ngày 25/02/2005 bà Huỳnh Thị Ú đứng tên quyền sử dụng đất thửa 164, diện tích 2.387m²; thửa 639, diện tích 16.000m²; thửa 163, diện tích 2.790m².

[6] Sau khi tặng cho đất cho bà Huỳnh Thị Ú thì cụ Đoàn Thị H còn đứng tên diện tích 18.000m², gồm thửa 165, diện tích 7.225m² (cây lâu năm), cụ Đoàn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/7/1997; thửa 640, diện tích 10.775m² (đất rừng sản xuất), cụ Đoàn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 25/02/2005.

[7] Khi còn sống, năm 2008 cụ H khởi kiện yêu cầu bà Ú trả lại diện tích 25.977m² đất và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 640, diện tích 10.775m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ H ngày 25/02/2005, đến ngày 21/8/2012 cụ H chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H phát sinh tranh chấp thừa kế.

[8] Xét kháng cáo của ông H2 và ông Xã yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ N8 và cụ H theo Biên bản chia đất ngày 27/8/2007, Giấy ủy quyền (thay cho Di chúc) ngày 27/8/2007.

[9] Xét thấy, các đương sự thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ N8 và cụ H. Sau khi cụ H chia đất cho các con xong vào năm 1997, thì diện tích đất của cụ H còn lại và cụ H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 1997, diện tích 44.777m². Năm 2001 và năm 2005 cụ H tặng cho con là bà Ú, nhưng khi tiến hành thủ tục thì giữa cụ H và bà Ú ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tổng cộng diện tích 25.977m² và bà Ú đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ú ngày 24/02/2002 và ngày 25/02/2005.

[10] Về Giấy ủy quyền (thay cho Di chúc) và Biên bản chia đất cho các con cùng ngày 27/8/2007, cụ H chia đất cho các con là bà Ú, ông Xã, ông H2, ông N, bà L, bà T17, bà T3, anh L3 (con của bà L5), bà H3 có thể hiện chiều ngang vị trí của từng phần đất được chia. Tuy nhiên, Biên bản chia đất ngày 27/8/2007 cụ H không có ký tên, Giấy ủy quyền ngày 27/8/2007 cụ H có điểm chỉ (lấn tay), không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không thể hiện diện tích, số thửa đất. Đồng thời, Biên bản chia đất và Giấy ủy quyền ngày 27/8/2007 được lập sau ngày cụ H ký hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất cho bà Ú (ngày 24/12/2001 và ngày 13/01/2005) và bà Ú đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ú ngày 24/02/2002 và ngày 25/02/2005 và bà Ú không có ký tên vào Biên bản chia đất và Giấy ủy quyền, cùng ngày 27/8/2007 và cũng không thống nhất theo yêu cầu của ông H2 và ông Xã, nên Biên bản chia đất và Giấy ủy quyền cùng ngày 27/8/2007, không có giá trị pháp lý.

[11] Mặt khác, theo tờ di chúc ngày 09/01/2005 thì diện tích của cụ H sau khi chuyển quyền sử dụng đất cho bà Ú còn lại là 18.800m².

[12] Vì thế, ông H2, ông Xã kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo Biên bản chia đất và Giấy ủy quyền cùng ngày 27/8/2007 là không có căn cứ.

[13] Xét kháng cáo của ông N yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H trả lại diện tích 7.588,7m² thuộc thửa 165 và diện tích 6.075,5m² thuộc một phần thửa 640 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ H đối với thửa 165, 640.

[14] Xét thấy, về phía ông N cho rằng phần đất thửa 165, thửa 640 ông N được cụ N8 và cụ H cho và sử dụng từ năm 1983 cho đến nay và ông N có cung cấp các giấy xác nhận của nhân chứng như:

- Ông Huỳnh Văn Q1 xác nhận: Năm 1995, ông Q1 có mua phần đất tràm của ông Huỳnh Văn B1 giáp ranh với đất của ông N thì thấy ông N và bà Đ sử dụng đất cất nhà, trồng cây lâu năm, sen...

- Ông Ngô Văn H14 xác nhận có nghe cụ H giới thiệu cho đất ông N từ công giữa lên giáp đất ông Q2 (từ kênh T đến kênh Thanh Niên...)

- Bà Võ Thị Thắm T16 xác nhận: Ông N được cụ N8 và cụ H cho đất từ công giữa lên giáp đất ông Q2.

- Ông Dương Văn Ú1 xác nhận: Cụ N8 và cụ H có cho đất ông N từ khi cụ N8 còn sống.

- Ông Nguyễn Văn H12, bà Bùi Thị H13, ông Võ Văn M1, ông Bùi Thanh N7 xác nhận: Ông N cất nhà sinh sống tại phần cụ N8 và cụ H cho từ năm 1983, khi cụ N8 còn sống...

[15] Tuy nhiên, xác nhận của các nhân chứng cũng không phù hợp với đơn khởi kiện ngày 10/4/2014, ngày 11/4/2014 của ông N, biên bản chia đất thửa kể ngày 24/02/2015 có chữ ký của ông N. Các đơn khởi kiện, biên bản chia đất thửa kể ông N đều thừa nhận diện tích 44.777m^2 là đất của cụ H chết để lại, ông N yêu cầu chia thửa kể diện tích 44.777m^2 .

[16] Đồng thời, theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2008, ngày 16/7/2008 của cụ H, sau khi chia đất xong cho các con cụ H còn diện tích 44.000m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[17] Về phía ông H2, ông Xã, bà T3, bà T4, bà Ú1 cũng không thừa nhận ông N được cụ N8 và cụ H cho thửa đất số 165, 640.

[18] Do vậy, ông N và bà Đ kháng cáo yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H trả lại diện tích $7.588,7\text{m}^2$ thuộc thửa 165 và diện tích $6.075,5\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 640 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ H đối với thửa 165, 640, là không có căn cứ.

[19] Xét kháng cáo của ông N, bà Đ yêu cầu ông Xã, bà Ú1, bà T3 bồi thường thiệt hại số tiền 58.000.000 đồng. Xét thấy, ông N yêu cầu công nhận cho ông N được quyền sử dụng thửa đất số 165, 640 cũng như phần nhận định trên thửa đất 165, 640 là đất của cụ H, không phải là đất của ông N, nên việc ông N và bà Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa phù hợp.

[20] Án sơ thẩm xử xác định thửa 165, diện tích 7.588,7m² và thửa 640, diện tích 6.075,5m² là di sản của cụ H và chia thừa kế theo pháp luật cho những người con của cụ H mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau và cũng đã xem xét công gìn giữ, cải tạo là tăng giá trị đất cho ông N được hưởng nhiều hơn các đồng thừa kế tại thửa 165, diện tích 1.000m², thửa 640, diện tích 500,7m² là phù hợp.

[21] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và bà Đ là chấp nhận kháng cáo của ông N và bà Đ. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[22] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà Đ, ông H2 và kháng cáo ông Xã, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[24] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[25] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông N, bà Đ, ông H2, ông Xã phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông N, bà Đ, ông H2 là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông N, bà Đ và ông H2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 133, 357, 468, 500, 584, 589, 609, 613, 649, 650, 651, 652, 657, 665, 667, 669, 670, 675 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn N9, bà Võ Thị Đ.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, về việc chia thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T4, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị Ú, bà Huỳnh Thị H3.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đoàn Thị H về việc yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho từ cụ Đoàn Thị H sang bà Huỳnh Thị Ú năm 2001 và 2005 là vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa 165, thửa 640 cho ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 165, thửa 640 của cụ Đoàn Thị H.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ, về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị Ú và ông Huỳnh Văn X bồi thường thiệt hại về tài sản.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đoàn Thị Ngọc O về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn H2 bồi thường thiệt hại về tài sản.

7. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh L3 về việc yêu cầu được chia phần đất thừa kế của mẹ anh là bà Huỳnh Thị L5 (đã chết).

8. Chấp nhận sự tự nguyện yêu cầu cùng đứng tên đồng sở hữu chung diện tích đất 1.096m² (phần đất khu mồ mã và nhà thờ) của bà Huỳnh Thị Ú.

9. Công nhận hợp đồng ngày 21/12/2001 giữa cụ Đoàn Thị H và chị Huỳnh Thị Ú, tại thửa 579 (tách từ thửa 164), diện tích 1.650m² (đất thổ), thửa 580 (tách từ thửa 163), diện tích 3.150m² (CDK). Hợp đồng ngày 13/01/2005 giữa cụ Đoàn Thị H và bà Huỳnh Thị Ú, tại thửa 163, diện tích 2.790m² (CDK), thửa 164, diện tích 2.387m² (LN), thửa 639 (tách từ thửa 151), diện tích 16.000m² (RTlg); là có hiệu lực pháp luật.

10. Phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng thừa kế có diện tích trong phạm vi các mốc, cụ thể như sau:

10.1 Ông Huỳnh Văn N được hưởng di sản thừa kế tổng cộng diện tích đất 3.432,6m². Theo đó, ông Huỳnh Văn N được diện tích 1.000m², trong phạm vi các mốc M1- mốc M3- mốc M18- mốc M17- mốc M16- mốc M15- mốc M12- mốc M14- mốc M1 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 1.026,1m², trong phạm vi các mốc M15- mốc M8- mốc M9- mốc M12- mốc M15 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 500,7m², trong phạm vi các mốc M21- mốc M22 – mốc M23- mốc M24- mốc M35- mốc M34- mốc M33- mốc M32- mốc M31- mốc M21 (thuộc một phần thửa 640); diện tích 905,8m², trong phạm vi các mốc M26- mốc M27- mốc M34- mốc M35- mốc M26 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.2 Ông Huỳnh Văn H2 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931,9m². Theo đó, ông Huỳnh Văn H2 được diện tích 1.026m², trong phạm vi các mốc M15- mốc M16- mốc M7- mốc M8- mốc M15 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905,9m², trong phạm vi các mốc M27- mốc M28- mốc M33- mốc M34- mốc M27 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.3 Ông Huỳnh Văn X được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.932,4m². Theo đó, ông Huỳnh Văn X được diện tích 1.026,3m², trong phạm vi các mốc M12- mốc M11- mốc M10- mốc M9- mốc M12 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 906,1m², trong phạm vi các mốc M25- mốc M26- mốc M35- mốc M24- mốc M25 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.4 Bà Huỳnh Thị T18 hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m^2 . Theo đó, bà Huỳnh Thị T3 được diện tích 1.026m^2 , trong phạm vi các mốc M16- mốc M17- mốc M6- mốc M7- mốc M16 (thuộc một phần thửa 165); diện tích 905m^2 , trong phạm vi các mốc M28- mốc M29- mốc M32- mốc M33- mốc M28 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.5 Bà Huỳnh Thị T4 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất $1.931,6\text{m}^2$. Theo đó, bà Huỳnh Thị T4 được diện tích 1.026m^2 , trong phạm vi các mốc M17- mốc M18- mốc M5- mốc M6- mốc M17 (thuộc một phần thửa 165); diện tích $905,6\text{m}^2$, trong phạm vi các mốc M29- mốc M30- mốc M31- mốc M32- mốc M29 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.6 Anh Trần Thanh L3 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất $1.931,3\text{m}^2$. Theo đó, anh Trần Thanh L3 được diện tích $1.025,9\text{m}^2$ trong phạm vi các mốc M18- mốc M3- mốc M4- mốc M5- mốc M18 (thuộc một phần thửa 165); diện tích $905,4\text{m}^2$, trong phạm vi các mốc M30- mốc M19- mốc M21- mốc M31- mốc M30 (thuộc một phần thửa 640); đất tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.7 Bà Huỳnh Thị H3 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m^2 . Theo đó, bà Huỳnh Thị H3 được nhận giá trị bằng tiền tại thửa 165, diện tích $1.026\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 513.000.000$ đồng; giá trị bằng tiền tại thửa 640 diện tích $905\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 452.500.000$ đồng; tổng cộng $513.000.000$ đồng + $452.500.000$ đồng = $965.500.000$ đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

10.8 Bà Huỳnh Thị Ú được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 1.931m^2 . Theo đó, bà Huỳnh Thị Ú được nhận giá trị bằng tiền tại thửa 165, diện tích $1.026\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 513.000.000$ đồng; giá trị bằng tiền tại thửa 640 diện tích $905\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 452.500.000$ đồng; tổng cộng $513.000.000$ đồng + $452.500.000$ đồng = $965.500.000$ đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

11. Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị Ú; cùng đồng sở hữu chung và cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất khu mồ mã và nhà thờ có diện tích 1.096m^2 , thuộc một phần thửa 164, 579, 580, 163, trong phạm vi các mốc R2- mốc M8- mốc M7- mốc R4- mốc M5- mốc M4-

mốc- M3- mốc R5- mốc M1 –mốc R1- mốc R2; đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Buộc ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3 có nghĩa vụ trả chênh lệch cho bà Huỳnh Thị Ú, bà Huỳnh Thị H3 số tiền mỗi người là 965.500.000 đồng, (Ông N, bà T3, ông X, ông H2 ,bà T4, anh L3 mỗi người có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà Ú và bà H3 số tiền là 160.917.000 đồng).

13. Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tiền lúa trong 10 năm, cụ thể là $1.000.000\text{đ}/1\text{năm}/1.000\text{m}^2 \times 6.977\text{m}^2 \times 10\text{năm} = 69.770.000\text{ đồng}$ (Sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

14. Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tràm đã đốn (tràm đã trồng 08 năm tuổi), năm 2010 là $3.690,4\text{m}^2$ và đến ngày 07/6/2011 đốn 2.679m^2 , tổng cộng thiệt hại về tràm là $10.000.000\text{đ}/1.000\text{m}^2 \times 6.369,4\text{m}^2 = 63.694.000\text{ đồng}$ (Sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

15. Buộc ông Huỳnh Văn H2 phải có nghĩa vụ bồi thường tiền lúa với diện tích $3.690,4\text{m}^2$ từ năm 2010 đến năm 2018 là 08 năm: $1.000.000\text{đ}/1\text{năm}/1.000\text{m}^2 \times 3.690\text{m}^2 \times 8\text{năm} = 29.523.200\text{ đồng}$ (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc O.

16. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

17. Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Thị H3, Huỳnh Thị Ú có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên đồng sở hữu chung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khu mô mã và nhà thờ có diện tích 1.096m^2 , thuộc một phần thửa 164, 579, 580, 163, trong phạm vi các mốc R2- mốc M8- mốc M7- mốc R4- mốc M5- mốc M4- mốc- M3- mốc R5- mốc M1 –mốc R1- mốc R2; đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

18. Chị Huỳnh Thị Ú được tiếp tục sử dụng, quản lý diện tích đất còn lại đối với các thửa đất 164, 579, 580, 163 và chị Huỳnh Thị Ú được quyền đến cơ

quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh để được đứng tên đối với các thửa đất trên.

19. Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3; có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3; được chia thừa kế quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 28/6/2018 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 20/02/2009 và Phụ lục mảnh trích đo ngày 01/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Phụ lục trích đo ngày 12/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Mảnh trích đo địa chính ngày 27/7/2018 của Công ty B2; Phụ lục sửa đổi, bổ sung mảnh trích đo ngày 12/9/2022 của Công ty B2).

20. Về án phí dân sự sơ thẩm:

20.1 Bà Huỳnh Thị Ú phải chịu 40.965.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006440, ngày 26/8/2020; số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.797.000 đồng theo biên lai thu số 0000476, ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Huỳnh Thị Ú còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.868.000 đồng.

20.2. Anh Trần Thanh L3 phải chịu 40.969.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 990.000 đồng theo biên lai thu số 0000477, ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Trần Thanh L3 còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.979.500 đồng.

20.3 Bà Huỳnh Thị T4 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T4 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.971.000 đồng theo biên lai thu số 0000425, ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

20.4 Ông Huỳnh Văn X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.986.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.261.000 đồng theo biên lai thu số 0000456, ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Ông Huỳnh Văn X còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.725.000 đồng.

20.5 Ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.206.000 đồng theo biên lai thu số 01676, ngày 27/11/2017; số tiền 734.000 đồng theo biên lai thu số 0000044, ngày 24/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

20.6 Ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T4, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị Ú, bà Huỳnh Thị H3 là những người thừa kế của cụ Đoàn Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 9.930.000 đồng, theo biên lai thu số 002553, ngày 18 tháng 7 năm 2008 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, (do bà Huỳnh Thị H3 đại diện nhận số tiền trên, sau đó bà H3 giao lại cho ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T4, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị Ú mỗi người nhận 1.418.000 đồng).

20.7. Bà Đoàn Thị Ngọc O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.400.000 đồng theo biên lai thu số 002661, ngày 20/8/2008; được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.494.000 đồng theo biên lai thu số 001836, ngày 31/5/2012, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

20.8. Bà Huỳnh Thị T3 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (do là người cao tuổi).

20.9. Ông Huỳnh Văn H2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (do là người cao tuổi).

21. Về án phí phúc thẩm:

21.1 Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông N, bà Đ và ông H2.

21.2 Ông Xã phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Xã là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008052 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, được trừ vào tiền án phí.

21. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Văn H2, Trần Thanh L3 mỗi người phải chịu 1.631.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; nhưng do ông N đã tạm ứng 7.420.000 đồng và ông Huỳnh Văn H2 đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng (đã thanh lý xong). Cho nên, bà Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn X, Huỳnh Thị T4, Trần Thanh L6 người phải nộp lại số tiền 1.631.000 đồng chi phí xem xét thẩm

định tại chỗ để trả lại cho ông Huỳnh Văn N số tiền 5.789.000 đồng, ông Huỳnh Văn H2 số tiền 2.369.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng